



VIMCERTS 180

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN GIANG
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ
DỊCH VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Địa chỉ: Ấp Hội Gia - xã Mỹ Phong - TP. Mỹ Tho - Tiền Giang

Điện thoại: 0273 3872454 - 0273 3872 175



Số: 01251/KQPT/2025

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số mẫu: 3840325

Tên khách hàng : **CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TIỀN GIANG**

Địa chỉ : Số 84 Ngô Gia Tự, Ấp Bình Tạo - Xã Trung An - Thành phố Mỹ Tho - Tỉnh Tiền Giang

Tên mẫu : Nước thải sau xử lý

Ngày nhận mẫu : 13/03/2025

Ngày lấy mẫu : 13/03/2025

Người lấy mẫu : Ngô Minh Khánh

Ngày xuất kết quả : 26/03/2025

Địa điểm/Vị trí lấy mẫu: Khu công nghiệp Mỹ Tho

Địa chỉ: Xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Đầu ra hệ thống xử lý nước thải

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp
1	pH °	-	7,72	TCVN 6492:2011
2	Nhiệt độ	°C	29,0	SMEWW 2550B:2023
3	BOD ₅	mg/L	17,0	SMEWW 5210B:2023
4	COD °	mg/L	31,1	SMEWW 5220C:2023
5	TSS °	mg/L	18,7	TCVN 6625:2000
6	Tổng Nito °	mg/L	19,9	TCVN 6638:2000
7	Tổng Photpho (tính theo P) °	mg/L	3,83	TCVN 6202:2008
8	Clo dư °	mg/L	KPH (MDL= 0,30)	TCVN 6225-3:2011
9	Dầu mỡ khoáng °	mg/L	KPH (MDL= 1,2)	SMEWW 5520B&F:2023
10	Crom (III) °	mg/L	KPH (MDL= 0,0015)	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023
11	Amoni (tính theo N) °	mg/L	KPH (MDL= 0,40)	TCVN 5988:1995
12	Asen °	mg/L	0,010	SMEWW 3113B:2023
13	Chì °	mg/L	KPH (MDL= 0,0015)	SMEWW 3113B:2023
14	Đồng °	mg/L	KPH (MDL= 0,015)	SMEWW 3111B:2023
15	Kẽm °	mg/L	KPH (MDL= 0,015)	SMEWW 3111B:2023
16	Sắt °	mg/L	0,45	SMEWW 3500-Fe.B:2023
17	Cadimi °	mg/L	KPH (MDL= 0,0002)	SMEWW 3113B:2023
18	Thủy ngân °	mg/L	KPH (MDL= 0,0002)	TCVN 7877:2008
19	Màu °	Pt-Co	25,2	TCVN 6185:2015 (Phương pháp C)
20	Crom (VI) °	mg/L	KPH (MDL= 0,007)	SMEWW 3500-Cr.B:2023
21	Mangan °	mg/L	KPH (MDL= 0,015)	SMEWW 3111B:2023
22	Sulfua (tính theo H ₂ S) °	mg/L	KPH (MDL= 0,020)	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
23	TDS °	mg/L	351,7	HD.KT.02.12
24	Chất hoạt động bề mặt °	mg/L	KPH (MDL= 0,15)	TCVN 6622-1:2009
25	Dầu mỡ động thực vật °	mg/L	KPH (MDL= 1,2)	SMEWW 5520B&F:2023

26	Nitrat (tính theo N) ^e	mg/L	14,1	SMEWW 4500 NO ₃ ⁻ .E:2023
27	Photphat (tính theo P) ^e	mg/L	3,81	TCVN 6202:2008
28	Tổng Phenol ^β	mg/L	KPH (MDL= 0,0003)	SMEWW 5530B&C:2023
29	Hàm lượng Xyanua (CN ⁻) ^β	mg/L	KPH (MDL= 0,002)	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023
30	Coliforms ^e	MPN/100mL	4,0 x 10 ²	SMEWW 9221B:2023

Phụ trách phòng thí nghiệm

Trịnh Thị Thắng

Tiền Giang, ngày 26 tháng 03 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



*** Võ Trung Hiếu**

- (*): Giới hạn định lượng của phương pháp thử

- MDL/LOD: Giới hạn phát hiện

- KPH: Không phát hiện

- Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu phân tích.

- Kết quả này không được sao chép một phần hay toàn bộ nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ.

- (°): Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025

- (°): Chỉ tiêu được công nhận Vimcerts.

- (°): Chỉ tiêu nhà thầu phụ thực hiện

- (°): Chỉ tiêu chưa được chỉ định